

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH  
TRUNG TÂM  
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 109/KSBT-NS

V/v kết quả ngoại kiểm đột xuất mẫu  
nước sạch sinh hoạt của xí nghiệp  
nước Tiên Hưng, huyện Đông Hưng.

Thái Bình, ngày 8 tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Y tế;
- Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn;
- UBND huyện Đông Hưng;
- Công ty Cổ phần nước sạch Thái Bình;
- UBND xã Thăng Long.

- Căn cứ Thông tư 41/2018/TT-BYT, ngày 14/12/2018 ban hành Quy chuẩn quốc gia và Quy định trong kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

- Căn cứ QCVN 01-1:2018/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Thực hiện công văn số 79/KSBT-NS, ngày 22/3/2022 về việc mời tham gia giám sát (đột xuất) về chất lượng nước sạch sinh hoạt. Ngày 28/3/2022 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình đã phối hợp với Chi cục Thủy Lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tiến hành giám sát đột xuất chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của xí nghiệp nước Tiên Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, kết quả cụ thể như sau:

- Mẫu số 01: Mẫu nước lấy tại vòi phát cơ sở cấp nước.
- Mẫu số 02: Mẫu nước lấy tại gia đình ông Vũ Đức Khải, thôn Lộ Vị - Thăng Long - Đông Hưng.
- Mẫu số 03: Mẫu nước lấy tại gia đình Bà Nguyễn Thị Yến, thôn Liên Minh - Minh Tân - Đông Hưng.

Mỗi mẫu thực hiện xét nghiệm 32 chỉ tiêu: 28 chỉ tiêu về hóa, lý và 04 chỉ tiêu về Vi sinh vật (có bản kết quả kèm theo).

Căn cứ kết quả xét nghiệm số 163/2022/KQTN-XN, ngày 05/4/2022 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình có ý kiến như sau:

**1. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Hóa, Lý:**

- Mẫu số 01 và mẫu số 03: Có 28/28 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.
- Mẫu số 2: Có 27/28 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép, chỉ tiêu cần khắc phục là: Hàm lượng Clodur tự do.

**2. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Vi sinh vật:**

- Mẫu số 01, 02, 03: 4/4 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.

**3. Kiến nghị:**

- Xí nghiệp nước Tiên Hưng, Công ty cổ phần nước sạch Thái Bình: Rà soát, khắc phục ngay các chỉ tiêu chưa đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT đó là: Hàm lượng





Clodur tự do đồng thời tiến hành xét nghiệm lại các chỉ tiêu này để đảm bảo chất lượng nước và thực hiện báo cáo kết quả khắc phục về cơ quan chức năng theo quy định.

- Khi có dấu hiệu bất thường về chất lượng nước xí nghiệp cần thông báo cho người dân và các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.

- Các ngành chức năng và chính quyền địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của xí nghiệp nước Tiên Hưng.

*Trung tâm Kiểm soát bệnh tật sẽ tiến hành giám sát lại và báo cáo về cơ quan chức năng theo đúng quy định.*

*Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng cảm ơn./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Xí nghiệp nước Tiên Hưng;
- Lưu VT, SKMT.



**Lê Thị Hồng Nhung**







SỞ Y TẾ THÁI BÌNH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 10 Đường Hoàng Công Chất Phường Quang Trung TP.Thái Bình  
ĐT :02273832639 Email : khoaxncdctb@gmail.com

Số: 163 /2022/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 05/4/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu:

M1(N10/28/03/22) - Mẫu lấy tại Vòi phát

M2(N11/28/03/22)- Mẫu lấy tại GD Ông Vũ Đức Khải -Thôn Lộ Vị - Thăng Long - ĐH

M3(N12/28/03/22)- Mẫu lấy tại GD Bà Nguyễn Thị Yến - Thôn Liên Minh - Minh Tân - ĐH

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín .

Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước Tiên Hưng

Địa chỉ: Thôn Lộ Vị - Xã Tiên Hưng - Huyện Đông Hưng - Tỉnh Thái Bình

Người lấy mẫu: Nguyễn Tuấn Minh - Khoa Xét nghiệm CDHA & TDCN - Trung tâm KSBT

Ngày lấy mẫu: Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Yêu cầu thử nghiệm: 28 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả		
				M1	M2	M3
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	<0,6 <sup>(b)</sup>	<0,6 <sup>(b)</sup>	1,34
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 6184 : 2008	NTU	0,24	0,38	0,78
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	6,8	7,01	7,12
5.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,0007 <sup>(b)</sup>	<0,0007 <sup>(b)</sup>	<0,0007 <sup>(b)</sup>
6.	Hàm lượng Clo dư <sup>(*)</sup>	TCVN 6225-2:2011	mg/L	0,45	<0,15 <sup>(a)</sup>	0,53
7.	Hàm lượng Amoni NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,022 <sup>(b)</sup>	<0,022 <sup>(b)</sup>	<0,022 <sup>(b)</sup>
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0016 <sup>(b)</sup>	<0,0016 <sup>(b)</sup>	<0,0016 <sup>(b)</sup>
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,2 <sup>(b)</sup>	<0,2 <sup>(b)</sup>	<0,2 <sup>(b)</sup>
10.	Hàm lượng Cadimi <sup>(*)</sup>	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0006 <sup>(b)</sup>	<0,0006 <sup>(b)</sup>	<0,0006 <sup>(b)</sup>
11.	Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	1,6	1,79	1,92
12.	Hàm lượng Clorua <sup>(*)</sup>	TCVN 6194:1996	mg/L	267	252	268
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0007 <sup>(b)</sup>	<0,0007 <sup>(b)</sup>	<0,0007 <sup>(b)</sup>
14.	Hàm lượng Đồng <sup>(*)</sup>	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,05 <sup>(b)</sup>	<0,05 <sup>(b)</sup>	<0,05 <sup>(b)</sup>

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ



TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả		
				M1	M2	M3
15.	Độ cứng (tính theo CaCO <sub>3</sub> ) <sup>(*)</sup>	TCVN 6224 : 1996	mg/L	262	260	264
16.	Hàm lượng Fluorid <sup>(*)</sup>	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0,291	0,295	0,304
17.	Hàm lượng Kẽm <sup>(*)</sup>	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,033 <sup>(b)</sup>	<0,033 <sup>(b)</sup>	<0,033 <sup>(b)</sup>
18.	Hàm lượng Mangan tổng số <sup>(*)</sup>	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,1 <sup>(a)</sup>	<0,1 <sup>(a)</sup>	<0,1 <sup>(a)</sup>
19.	Hàm lượng Natri <sup>(*)</sup>	TCVN 6660 : 2000	mg/L	79,1	78,4	80,6
20.	Hàm lượng Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,69	1,46	0,97
21.	Hàm lượng Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,005 <sup>(b)</sup>	<0,005 <sup>(b)</sup>	<0,012 <sup>(a)</sup>
22.	Hàm lượng Sắt (tổng số) <sup>(*)</sup>	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,016 <sup>(b)</sup>	<0,016 <sup>(b)</sup>	<0,016 <sup>(b)</sup>
23.	Hàm lượng Sulphate <sup>(*)</sup>	EPA.375.4	mg/L	<4,0 <sup>(a)</sup>	<4,0 <sup>(a)</sup>	<4,0 <sup>(a)</sup>
24.	Hàm lượng Sunfua	SMEWW4500 : 2017	mg/L	<0,05 <sup>(a)</sup>	<0,05 <sup>(a)</sup>	<0,05 <sup>(a)</sup>
25.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	<0,0003 <sup>(b)</sup>	<0,0003 <sup>(b)</sup>	<0,0003 <sup>(b)</sup>
26.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	712	684	744
27.	Hàm lượng Chì (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,001 <sup>(b)</sup>	<0,001 <sup>(b)</sup>	<0,001 <sup>(b)</sup>
28.	Hàm lượng Selen	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,0007 <sup>(b)</sup>	<0,0007 <sup>(b)</sup>	<0,0007 <sup>(b)</sup>

## 2. Chỉ tiêu vi sinh:

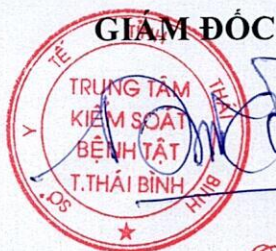
TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả		
				M1	M2	M3
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH
3.	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH
4.	P. aeruginosa <sup>(*)</sup>	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD<sub>E.coli, Coliform</sub> : 01CFU/100ml



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Đỗ Luân Cấp*

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM  
CĐHA & TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

- Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình
  - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
  - Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
  - \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
  - \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ